

**T OÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÁ THƯỚC  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72 /2022/HNGĐ-ST

Ngày 25- 5- 2022

V/v: “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Hùng

2. Bà Lê Thị Thảo

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Cao Thị Nhung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa:*** Ông Hà Văn Quyền – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 203/2021/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021, về việc: “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 04 tháng 05 năm 2022 giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Trương Thị K ; Sinh năm 1971 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn T , xã H T , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Ông Đặng Văn Dương  
*-trợ giúp viên pháp lý trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hoá*

*Bị đơn:* Anh Trương Văn H ; Sinh năm 1970 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn T , xã H T , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Chị Trương Thị T sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi trú tại: Thôn E, xã CL, huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn: Chị Trương Thị K trình bày chị và anh H tự do tìm hiểu khoảng 02 năm thì tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán vào tháng 10 năm 1987 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi lấy nhau sống hạnh phúc. Từ năm 2013 vợ chồng mâu thuẫn do không hợp nhau. Anh H đánh chị K g và chị K bỏ đi làm ăn từ khoảng tháng 6 năm 2014. Cuối năm 2014 anh H cũng đi làm ăn cứ một năm về một lần nhưng anh chị không còn liên lạc với nhau và không quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị K xin ly hôn.

*Về con chung:* Chị K và anh H có 03 con chung là Trương Thị T sinh năm 1990, Trương Thị T sinh năm 1992, Trương Thị T sinh năm 1996, các con đều đã thành niên.

*Về tài sản:* Chị K trình bày vợ chồng làm được một nhà sàn và bếp năm 1998, hiện nay đã cũ nát trên diện tích đất 871m<sup>2</sup> của thửa đất số 04 tờ bản đồ số 71 địa chỉ thôn T , xã H T , huyện B T , tỉnh Thanh Hoá. Đất đồi và đất 02 các đương sự đã tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình thẩm định, định giá tài sản xác định giá trị tài sản như:*

01 nhà sàn khung gỗ 06 cột dài và 03 cột ngắn, ván thưng cao 1,2m làm bằng gỗ tạp, lợp Pluximang làm năm 1998 diện tích sử dụng (8 x5)m =40m<sup>2</sup>

Nhà đã hết khấu hao giá trị chuyển nhượng trên thị trường là 10.000.000đ (Mười triệu đồng),

01 bếp gỗ, 04 cột lợp Pluxmang dột nát làm năm 1998 đã hết khấu hao chuyển nhượng trên thị trường giá khoảng 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Toàn bộ nhà và bếp toạ trên mảnh đất có tứ cận như sau:

-Hướng Tây Nam là chiều mặt đường liên thôn dài thực tế đang quản lý sử dụng là 22m tính từ mốc giới giáp đất hộ ông Trương Văn Kỳ (gốc cây si) đến giáp phần đất hộ anh Trương Văn Quán (em trai anh Huê) gốc cây dừa làm ranh giới.

-Hướng Tây Bắc đo thực tế đang quản lý sử dụng dài (4.5 +30.1)m=34.6m.

-Hướng Đông Nam dài 14.4m giáp đầy hộ ông Trương Văn Quán (em trai anh Huê).

-Hướng Đông Bắc là đường gấp khúc đo thực tế (3.1+7.0+4.2+5.4+15.4) m =35.m

Nguyện vọng của chị K khi ly hôn muốn được chia đôi tài sản chị có nguyện vọng chia bằng hiện vật.

Bị đơn: Anh Trương Văn H trình bày: Về hôn nhân anh chị tự do tìm hiểu hai năm thì tự nguyện lấy nhau có tổ chức cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn như chị K trình bày là đúng. Sau khi chung sống hoà thuận với nhau đến năm 2013 thì mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống.

Từ đầu năm 2014 chị Khương đi làm ăn rồi không liên lạc về với anh Huê. Cuối năm 2014 anh H cũng đi niêm Nam làm ăn. Mỗi năm anh H về quê 01( một) lần khoảng 10 ngày đến nửa tháng nhưng anh chị không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Nay chị làm đơn xin ly hôn anh Huê đồng ý.

Về con chung có 03 con chung như chị K trình bày là đúng, các cháu đều đã trưởng thành.

Về tài sản: Anh H trình bày anh và chị K chung sống với nhau từ năm 1998 làm được 01(một) nhà sàn và bếp gỗ từ năm 1998. Nhà bếp nay đã cũ nát, kết quả thẩm định định giá tài sản tổng trị giá nhà là 10.000.000đ và bếp là 3.000.000đ. Khi ly hôn anh đồng ý chia nhà và đất bằng hiện vật nhưng anh H có nguyện vọng ở nhà sàn và phần đất giáp với đất nhà anh Trương Văn Q (em trai anh H ). Ngoài ra vợ chồng không có tài sản nào khác.

Tại phiên toà: Chị K và anh H đều trình bày thống nhất anh chị tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán nhưng không đi đăng ký kết hôn. Nay bất đồng quan điểm trong cuộc sống và anh chị đã ly thân từ năm 2014 và xác định tình cảm vợ chồng không còn đều thống nhất đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung các cháu đã thành niên nên không đề nghị HĐXX xem xét.

Về tài sản: Tại phiên toà anh H và chị K tự nguyện thoả thuận và đề nghị HĐXX công nhận sự tự nguyện thoả thuận về việc phân chia tài sản cụ thể như sau:

Anh H có quyền sở hữu 01 nhà sàn trị giá 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tọa trên diện tích đất đo thực tế đang quản lý sử dụng là 319,5m<sup>2</sup> phần đất giáp phần đất chia cho chị Khương đến giáp phần đất nhà anh Trương Văn Q có tứ cận như sau:

-Phía Tây Nam là chiều mặt đường liên thôn dài 15m, tính từ mốc giới chia cho chị Khương (cách mốc giới nhà ông Kỷ 7m) đến mốc giới giáp nhà anh Trương Văn Q .

-Hướng Đông Nam tính từ mốc giới giáp phần đất hộ anh Trương Văn Q (từ mặt đường liên thôn chạy về hướng Đông) dài (4.0+10.4)m là 14.0m

-Hướng Đông Bắc là đường đích đặc (các đoạn không thẳng hàng) giáp đất ruộng có chiều dài đo thực tế quản lý sử dụng là  $(3.1+7.0+4.2+5.4)$  m là 19.7m

-Hướng Tây Bắc giáp đất chia cho chị Trương Thị K vuông góc với đường liên thôn dài 29.8m.

Chị Trương Thị K được quyền sở hữu 01 bép trị giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tọa trên diện tích đất 225.0m<sup>2</sup> tính từ phần đất chia tự nguyện thỏa thuận chia cho anh Trương Văn H đến giáp phần đất hộ anh Trương Văn K , có tứ cận như sau;

-Phía Tây Nam là chiều mặt đường liên thôn tính từ giáp phần đất thuộc quyền mốc giới giáp nhà anh Trương Văn K gốc cây si) dài 7m đến giáp phần đất chia cho anh Trương Văn Huê.

-Hướng Tây Bắc tính từ mốc giới giáp nhà anh K (mặt đường liên thôn) chạy về hướng Bắc dài  $(4.5+30.1)$  m là 34.6m

-Hướng Đông Bắc giáp đất ruộng dài 15.4m

-Hướng Đông Nam giáp đất chia cho anh Trương Văn H tính từ ranh giới phần đất chia cho anh Trương Văn H vuông góc với đường liên thôn dài 29.8m

Không ai phải giao chênh lệch chia tài sản cho ai.

-Về đất ruộng lúa và đất lâm nghiệp anh H và chị Khương tự nguyện thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh H trình bày vợ chồng không có tài sản nào khác.

Chị K trình bày hiện nay chị đang quản lý và trông nuôi hộ con gái là Trương Thị T 01 con bò cái hai năm tuổi là tài sản của cháu T .

-Tại bản tự khai của chị Trương Thị T và biên bản hoà giải chị T trình bày do hai vợ chồng đi làm công ty nên mang 01 con bò cái đến nay khoảng hai năm tuổi gửi mẹ Trương Thị K trông giữ. Nay bố mẹ ly hôn con bò của chị Tâm thuộc quyền sở hữu của chị T và sau khi nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử chị T có đơn xin xử vắng mặt.

Trợ giúp pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp lý cho chị K trình bày. Về phần tài sản các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản tại phiên tòa nên trợ giúp viên pháp lý không có ý kiến gì và tôn trọng sự tự nguyện của nguyên đơn đề nghị HĐXX công nhận sự tự nguyện thỏa thuận tại phiên tòa về tài sản của các đương sự.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:* Về tố tụng Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền và trình tự tố tụng thẩm phán, thư ký, HĐXX thực hiện đúng đủ theo quy định của BLTTDS. Về nội dung giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp

dụng các Điều 14, 16 của Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ giữa chị K và anh H là vợ chồng.

Về tài sản đề nghị HĐXX công nhận sự tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản tại phiên toà của chị K và anh H Các đương sự đều sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn nên đề nghị HĐXX miễn toàn bộ án phí cho các đương sự theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định, trình tự của BLTTDS.

Việc chị Trương Thị T có đơn xin xử vắng mặt, Tòa án vẫn xét xử theo thủ tục chung là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Nội dung vụ án*: Về hôn nhân anh H và chị K đủ điều kiện kết hôn nhưng không đi đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau từ năm 1998. Nên theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cuộc sống chung của anh chị không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ giữa chị Trương Thị K và anh Trương Văn H là vợ chồng.

[3] *Về tài sản chung*: Đây là khối tài sản chung chị K và anh H công nhận và tự nguyện thỏa thuận với nhau phân chia khi ly hôn nên HĐXX công nhận sự tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản của chị K và anh H.

[3.1] Anh H có quyền sở hữu 01 nhà sàn trị giá 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tọa trên diện tích đất đo thực tế đang quản lý sử dụng là 319,5m<sup>2</sup> phần đất giáp phần đất chia cho chị K đến giáp phần đất nhà anh Trương Văn Q có tứ cận như sau:

-Phía Tây Nam là chiều mặt đường liên thôn dài 15m, tính từ mốc giới chia cho chị K (cách mốc giới nhà ông Kỷ 7m) đến mốc giới giáp nhà anh Trương Văn Q.

-Hướng Đông Nam tính từ mốc giới giáp phần đất hộ anh Trương Văn Q (từ mặt đường liên thôn chạy về hướng Đông) dài (4.0+10.4)m là 14.0m

-Hướng Đông Bắc là đường ditch dắc (các đoạn không thẳng hàng) giáp đất ruộng có chiều dài đo thực tế quản lý sử dụng là (3.1+7.0+4.2+5.4)m là 19.7m

-Hướng Tây Bắc giáp đất chia cho chị Trương Thị K g vuông góc với đường liên thôn dài 29.8m.

[3.2] Chị Trương Thị K được quyền sở hữu 01 bép trị giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tọa trên diện tích đất 225.0m<sup>2</sup> tính từ phần đất chia tự nguyện thỏa thuận chia cho anh Trương Văn H đến giáp phần đất hộ anh Trương Văn K , có tứ cận như sau;

-Phía Tây Nam là chiều mặt đường liên thôn tính từ giáp phần đất thuộc quyền mốc giới giáp nhà anh Trương Văn K (gốc cây si) dài 7m đến giáp phần đất chia cho anh Trương Văn H

-Hướng Tây Bắc tính từ mốc giới giáp nhà anh Kỷ (mặt đường liên thôn) chạy về hướng Bắc dài (4.5+30.1)m là 34.6m

-Hướng Đông Bắc giáp đất ruộng dài 15.4m

-Hướng Đông Nam giáp đất chia cho anh Trương Văn H tính từ ranh giới phần đất chia cho anh Trương Văn H vuông góc với đường liên thôn dài 29.8m

Không ai phải giao chênh lệch chia tài sản cho ai.

-Về đất ruộng lúa và đất lâm nghiệp anh H và chị K g tự nguyện thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. *Về án phí*: Chị Trương Thị K và anh Trương Văn H cư trú tại thôn đặc biệt khó khăn của xã Hạ Trung và đơn đơn xin miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí, án phí. HĐXX căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ tiền án phí cho anh H và chị K g.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 14; Điều 16; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ: Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

-Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị K . Không công nhận quan hệ giữa chị Trương Thị K và anh Trương Văn H là vợ chồng.

3. Về tài sản: Công nhận sự tự nguyện phân chia tài sản giữa chị Trương Thị K và anh Trương Văn H .

**3.1** Anh H có quyền sở hữu 01 nhà sàn trị giá 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tọa trên diện tích đất đo thực tế đang quản lý sử dụng là 319,5m<sup>2</sup> phần đất giáp phần đất chia cho chị K đến giáp phần đất nhà anh Trương Văn Q có tứ cận như sau:

-Phía Tây Nam là chiều mặt đường liên thôn dài 15m, tính từ mốc giới chia cho chị K (cách mốc giới nhà ông Kỷ 7m) đến mốc giới giáp nhà anh Trương Văn Q .

-Hướng Đông Nam tính từ mốc giới giáp phần đất hộ anh Trương Văn Q (từ mặt đường liên thôn chạy về hướng Đông) dài (4.0+10.4)m là 14.0m

-Hướng Đông Bắc là đường ditch dắc (các đoạn không thẳng hàng) giáp đất ruộng có chiều dài đo thực tế quản lý sử dụng là (3.1+7.0+4.2+5.4 )m là 19.7m

-Hướng Tây Bắc giáp đất chia cho chị Trương Thị K vuông góc với đường liên thôn dài 29.8m.

**3.2.**Chị Trương Thị K được quyền sở hữu 01 bếp trị giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tọa trên diện tích đất 225.0m<sup>2</sup> tính từ phần đất chia tự nguyện thỏa thuận chia cho anh Trương Văn H đến giáp phần đất hộ anh Trương Văn K , có tứ cận như sau;

-Phía Tây Nam là chiều mặt đường liên thôn tính từ giáp phần đất thuộc quyền mốc giới giáp nhà anh Trương Văn K (gốc cây si) dài 7m đến giáp phần đất chia cho anh Trương Văn H

-Hướng Tây Bắc tính từ mốc giới giáp nhà anh Kỷ (mặt đường liên thôn) chạy về hướng Bắc dài (4.5+30.1)m là 34.6m

-Hướng Đông Bắc giáp đất ruộng dài 15.4m

-Hướng Đông Nam giáp đất chia cho anh Trương Văn H tính từ ranh giới phần đất chia cho anh Trương Văn H vuông góc với đường liên thôn dài 29.8m

Không ai phải giao chênh lệch chia tài sản cho ai.

-Về đất ruộng lúa và đất lâm nghiệp anh Huê và chị K tự nguyện thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4.** Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Trương Thị K , chị Trương Thị K g và anh Trương Văn H được miễn toàn bộ án phí chia tài sản chung.

**5.** Công nhận chị Trương Thị T có quyền sở hữu 01 con bò cái màu lông vàng khoảng hai năm tuổi (không phải là sản chung của anh H và chị K.

Án sơ thẩm có mặt chị Trương Thị K và anh Trương Văn H , vắng mặt chị Trương Thị T . Chị K và anh H có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15

ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Trợ giúp pháp lý

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Quyên**